

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ IA KRENG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 03/UBND-KT

Ia Kreng, ngày 05 tháng 7 năm 2022

V/v xin ý kiến Nhiệm vụ Điều chỉnh
quy hoạch chung xã Ia Kreng,
huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai

Kính gửi:

- Lãnh đạo các phòng, ban: Ban Chỉ huy quân sự huyện, Công an huyện, Kinh tế và Hạ tầng, Tài nguyên - Môi trường, Tài chính - Kế hoạch, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Văn hoá-Thông tin, Tư Pháp, Nội vụ, Thanh tra, Lao động Thương binh và Xã hội, Dân tộc, Phòng Giáo dục và Đào tạo.

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 của Quốc Hội;

Căn cứ Luật số 35/2018/QH14 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ v/v quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/04/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-BXD ngày 01/3/2017 của Bộ xây dựng Hướng dẫn về quy hoạch xây dựng nông thôn;

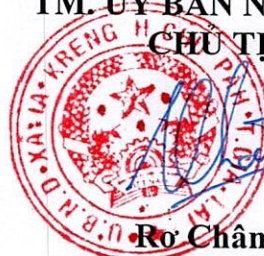
Trên cơ sở Nhiệm vụ Điều chỉnh quy hoạch chung xã Ia Kreng, huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai do Công ty TNHH MTV Tư vấn & chuyển giao công nghệ H.A.I lập theo Thông tư số 02/2017/TT-BXD ngày 01/3/2017 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về quy hoạch xây dựng nông thôn. Căn cứ Căn cứ Khoản 1, Điều 16 Cơ quan, chủ đầu tư tổ chức lập quy hoạch xây dựng có trách nhiệm lấy ý kiến cơ quan, tổ chức, cá nhân và cộng đồng dân cư có liên quan về nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng và Khoản 1 Điều 17 Việc lấy ý kiến cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan về nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng được thực hiện bằng hình thức gửi hồ sơ, tài liệu hoặc tổ chức hội nghị, hội thảo. Cơ quan, tổ chức, cá nhân được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản hoặc góp ý kiến trực tiếp của Luật Xây dựng năm 2014. Để có cơ sở trình thẩm định và phê duyệt nhiệm vụ Ủy ban nhân dân xã Ia Kreng xin ý kiến Lãnh đạo các phòng, ban UBND huyện tham gia ý kiến bằng văn bản gửi về UBND xã Ia Kreng trước ngày 12/7/2022. Để UBND xã Ia Kreng phối hợp cùng đơn vị tư vấn tổng hợp các ý kiến trước khi trình thẩm định phê duyệt theo quy định. (Hồ sơ gửi kèm Nhiệm vụ và Nghị Quyết thông qua Nhiệm vụ).

Kính mong sự quan tâm của các cơ quan để Ủy ban nhân dân xã có cơ sở thực hiện các bước tiếp theo./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: VP-UB.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Ro Châm Tâm

NGHỊ QUYẾT

Về phê duyệt Nhiệm vụ lập Quy hoạch xây dựng nông thôn
xã Ia Krong, huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai.

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ IA KRENG KHÓA III, KỲ HỌP BẤT THƯỜNG

- Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

- Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

- Căn cứ Luật số 35/2018/QH114 ngày 20/1/2018 của Quốc hội về sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch;

- Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

- Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 quy định chi tiết một số điều của Luật Đầu tư công; Nghị định 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư công; Căn cứ nghị định 44/2015/NĐ-CP ngày 06/05/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

- Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày 29 tháng 10 năm 2021 của Ủy ban nhân dân xã về việc xin phê duyệt Nhiệm vụ lập Quy hoạch xây dựng nông thôn xã Ia Krong, huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai; Tổng hợp ý kiến của các ban ngành xã và cộng đồng dân cư; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân xã tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1: Quyết định phê duyệt Nhiệm vụ lập quy hoạch xây dựng nông thôn Ia Krong, huyện Chư Păh, với các nội dung chính sau:

1. Tên Nhiệm vụ quy hoạch: Quy hoạch xây dựng nông thôn Ia Krong, huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai.

2. Chủ đầu tư: UBND xã Ia Krong.

3. Mục tiêu đầu tư: Cụ thể hóa các chương trình mục tiêu về xây dựng NTM giai đoạn 2021-2030 trên địa bàn xã; Cụ thể hóa quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2030 của huyện Chư Păh trên địa bàn xã; Tổ chức không gian phát triển kinh tế - xã hội đảm bảo tính kết nối đồng bộ giữa quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2030 của huyện với quy hoạch xây dựng nông thôn và các quy hoạch, kế hoạch chuyên ngành khác nhằm khai thác tối đa tiềm năng, lợi thế của địa phương



để phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững, đồng thời bố trí hợp lý không gian nhằm giải quyết các vấn đề xung đột về không gian phát triển trên địa bàn xã đáp ứng nhu cầu phát triển trong tương lai; Quy hoạch mạng lưới điểm dân cư nông thôn khang trang, hiện đại, bảo tồn và phát huy các giá trị truyền thống, tạo bộ mặt kiến trúc cảnh quan các điểm dân cư; Quy hoạch hệ thống cơ sở hạ tầng đáp ứng các yêu cầu phục vụ sản xuất, sinh hoạt của nhân dân, góp phần phòng tránh và giảm nhẹ thiên tai; Làm cơ sở pháp lý cho việc lập các dự án đầu tư xây dựng và quản lý xây dựng theo quy hoạch.

4. Quy mô diện tích đất đai: 11.149,15 ha.

5. Địa điểm thực hiện: Xã Ia Kren, huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai.

6. Dự kiến thời gian thực hiện: Năm 2022.

7. Thời gian bố trí nguồn vốn: Năm 2022.

Điều 2: Tổ chức thực hiện:

Hội đồng nhân dân xã giao Ủy ban nhân dân xã:

1. Tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết theo đúng quy định của pháp luật;

2. Chỉ đạo chủ đầu tư hoàn thành thủ tục đầu tư dự án, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt Nhiệm vụ quy hoạch theo đúng quy định của pháp luật liên quan; Tổ chức lập quy hoạch đảm bảo tiến độ, chất lượng và hiệu quả.

Điều 3: Điều khoản thi hành

1. Ủy ban nhân dân xã và các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này;

2. Thường trực Hội đồng nhân dân xã, các Ban Hội đồng nhân dân xã, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân xã và các đại biểu Hội đồng nhân dân xã giám sát việc tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân xã Ia Kren khóa III, kỳ họp bất thường thông qua ngày 29 tháng 10 năm 2021 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.



Nguyễn Ngọc Tài

THUYẾT MINH NHIỆM VỤ
ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH CHUNG
XÂY DỰNG XÃ IA KRENG, HUYỆN
CHƯ PĂH, GIA LAI

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT QH:

UBND HUYỆN CHƯ PĂH

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH QH:

PHÒNG KINH TẾ VÀ HẠ TẦNG; PHÒNG
NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT

CHỦ ĐẦU TƯ:

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ IA KRENG

ĐƠN VỊ LẬP NVQH:

CÔNG TY TNHH MTV TƯ VẤN & CHUYÊN
GIAO CÔNG NGHỆ H.A.I

CHỦ ĐẦU TƯ
UBND XÃ IA KRENG



Rơ Châm Tâm

ĐƠN VỊ LẬP NHIỆM VỤ QUY HOẠCH
CÔNG TY TNHH MTV TƯ VẤN &
CHUYÊN GIAO CÔNG NGHỆ H.A.I



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Ninh Hải

NHIỆM VỤ
ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH CHUNG
XÃ IA KRENG, HUYỆN CHƯ PĂH, TỈNH GIA LAI

CHƯƠNG 1

PHẦN I. MỞ ĐẦU

1. Lý do và sự cần thiết lập quy hoạch:

Xây dựng nông thôn mới là: “Xây dựng nông thôn mới có kết cấu hạ tầng kinh tế- xã hội hiện đại; cơ cấu kinh tế và các hình thức tổ chức sản xuất hợp lý, gắn nông nghiệp với phát triển nhanh công nghiệp, dịch vụ, đô thị theo quy hoạch; xã hội nông thôn ổn định, giàu bản sắc văn hóa dân tộc, dân trí được nâng cao, môi trường sinh thái được bảo vệ; hệ thống chính trị ở nông thôn dưới sự lãnh đạo của Đảng được tăng cường”.

Thực hiện chỉ đạo của Trung ương, trong thời gian từ năm 2010 đến hết năm 2011, xã Ia Kreng đã thực hiện đề án quy hoạch (ĐAQH) và đã được UBND huyện Chư Păh phê duyệt theo thẩm quyền. Xã đã ban hành quy định quản lý theo ĐAQH được phê duyệt, tổ chức công bố, cắm mốc quy hoạch, lập quy hoạch chi tiết để triển khai dự án, quản lý xây dựng, phát triển cơ sở hạ tầng nông thôn, quản lý hoạt động xây dựng theo quy hoạch chung xây dựng xã.

Quy hoạch chung xây dựng xã khác với các quy hoạch xây dựng trước đây là việc hợp nhất 03 loại hình quy hoạch (quy hoạch xây dựng, quy hoạch sản xuất và quy hoạch sử dụng đất) trong 01 ĐAQH xây dựng xã NTM (quy hoạch 3 trong 1), nhằm đảm bảo tính thống nhất, hiệu quả trong việc lập và quản lý quy hoạch trên địa bàn xã. Giai đoạn 2011-2020, quy hoạch xây dựng xã NTM là quy hoạch mang tính đặc thù nhằm đáp ứng yêu cầu cấp bách của thực tiễn. Các quy hoạch xã NTM đã cơ bản đáp ứng được các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra phù hợp với quy định tại các Quyết định số 800/QĐ-TTg, ngày 04/6/2010, số 491/QĐ-TTg, ngày 16/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ và Thông tư liên tịch số 13/2011/TTLT-BXD-BNNPTNT-BTN&MT, ngày 28/10/2011; thể hiện được tổ chức cơ cấu phân khu chức năng của quy hoạch theo từng địa phương, định hướng giải pháp tổ chức không gian kiến trúc hệ thống trung tâm xã, hệ thống thôn, xóm, bản, các khu dân cư nông thôn tập trung, khu sản xuất; quy hoạch sản xuất, chăn nuôi tập trung, quy mô từng loại hình sản xuất, quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật, cơ sở vật chất phục vụ sản xuất, bảo vệ môi trường của từng khu vực. Nhìn chung chất lượng các ĐAQH xây dựng xã NTM giai đoạn 2011-2020 mới chỉ đáp ứng được yêu cầu là làm cơ sở cho việc xây dựng các Đề án xây dựng NTM xã trong giai đoạn này, chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển lâu dài, chất lượng ĐAQH chưa cao, còn tồn tại một số hạn chế, bất cập: chưa thể hiện rõ các yêu cầu quy hoạch xây dựng NTM theo tinh thần Nghị quyết số 26 NQ/TW, chưa hoạch định rõ hệ thống sản xuất nông nghiệp có quy mô theo hướng

sản xuất hàng hóa lớn, chưa thể hiện rõ tính đồng bộ trong phát triển các khu sản xuất (công nghiệp và TTCN) và hệ thống cơ sở hạ tầng (CSHT) đầu mối phục vụ sản xuất, chưa thể hiện rõ tính đồng bộ trong phát triển hệ thống dân cư nông thôn: trung tâm nông thôn như thị trấn, thị tứ, các điểm dân cư tập trung,.. nên chưa phát huy được tiềm năng, thế mạnh của từng địa phương, từng vùng, chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển lâu dài ở khu vực nông thôn. Việc lập quy hoạch riêng rẽ từng xã, không có quy hoạch xây dựng vùng huyện đóng vai trò định hướng lớn và khâu nối trong tổ chức không gian và CSHT cho các xã trong huyện là một trở ngại cho việc lập quy hoạch xây dựng xã NTM, ảnh hưởng đến chất lượng các ĐAQH.

Giai đoạn 2021-2030, trong bối cảnh các chính sách, chủ trương, các quy hoạch cấp trên và các cơ sở pháp lý lập quy hoạch chung xây dựng xã trong giai đoạn hiện nay đã có nhiều thay đổi; các biến động về thay đổi ranh giới hành chính (Đề án sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã, thôn, làng); những dự án lớn, mang tính động lực đã và đang triển khai và các yếu tố khác có ảnh hưởng đến các dự báo về phát triển dân cư, kinh tế - xã hội của địa phương dẫn đến ảnh hưởng tới các quy hoạch xây dựng NTM của các xã đã được phê duyệt. Việc quy hoạch chung xây dựng của xã là cần thiết, đảm bảo việc triển khai các dự án đầu tư xây dựng NTM trong giai đoạn 2021-2030 phù hợp quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2030 của huyện, thống nhất các quy hoạch của địa phương với quy hoạch cấp trên, đặc biệt là với quy hoạch sử dụng đất của huyện giai đoạn 2021-2030, làm cơ sở để địa phương triển khai công tác đầu tư xây dựng NTM, phù hợp với các quy định của pháp luật cũng như tạo tiền đề, điều kiện khai thác hợp lý, phát huy được những lợi thế để phát triển kinh tế - xã hội, tạo sự liên kết trong vùng, mở rộng thị trường, phát triển sản xuất một cách bền vững. Đồng thời, từng bước nâng cao điều kiện sống, dân trí của người dân, góp phần xây dựng nếp sống văn minh, hiện đại ở khu vực nông thôn, đáp ứng tiến độ thực hiện xây dựng NTM theo Kế hoạch; từng bước duy trì và nâng cao chất lượng tiêu chí đối với các xã đã đạt chuẩn NTM, hướng tới xây dựng xã NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu.

Việc Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng xã Ia Kreng, huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai nhằm quy hoạch, sắp xếp, bố trí ổn định dân cư, các công trình hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật đi kèm là việc làm hết sức cần thiết hiện nay.

2. Căn cứ lập quy hoạch xây dựng xã:

2.1. Căn cứ pháp lý:

- Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;
- Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14;
- Căn cứ Luật đất đai năm 2013;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 Luật có liên quan đến quy hoạch số 28/2018/QH14;

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch số 35/2018/QH14;

Căn cứ Luật số 35/2018/QH14 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch năm 2018;

- Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;

- Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

- Thông tư 01/2021/TT-BXD ngày 19/05/2021 của Bộ Xây dựng Ban hành QCVN 01:2021/BXD Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về xây dựng;

- Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng NTM giai đoạn 2016-2020;

- Thông tư số 02/2017/TT-BXD ngày 01/03/2017 của Bộ Xây dựng về việc Hướng dẫn lập quy hoạch chung xây dựng nông thôn;

- Thông tư số 22/2019/TT-BXD ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ Xây dựng về việc Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng;

- Quyết định số 398/QĐ-TTg ngày 11 tháng 3 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành kế hoạch triển khai Nghị quyết số 100/2015/QH13 ngày 12/11/2015 về phê duyệt chủ trương đầu tư các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020;

- Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16 tháng 8 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

- Thông tư số 05/2017/TT-BNNPTNT ngày 01/3/2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số nội dung thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

2.2. Căn cứ tài liệu:

Căn cứ Thông tư 01/2016/TT-BXD ngày 01/02/2016 của Bộ Xây dựng về việc Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về các công trình hạ tầng kỹ thuật

- Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ Xây dựng Ban hành QCVN 01:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch XD;

- Căn cứ Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 4449: 1987 về quy hoạch xây dựng đô thị - Tiêu chuẩn thiết kế.

- Căn cứ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 07:2016/BXD của Bộ Xây dựng; Căn cứ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng QCVN 01:2021/BXD của Bộ Xây dựng;

- Căn cứ TCVN 33:2006 Cấp nước – Mạng lưới đường ống và công trình - Tiêu chuẩn thiết kế:

- Căn cứ TCVN 7957: 2008 Thoát nước – Mạng lưới và công trình bên ngoài - Tiêu chuẩn thiết kế,

- Các tiêu chuẩn và quy phạm thiết kế theo Quy chuẩn xây dựng Việt Nam hiện hành.

- Nghị quyết số 137/NQ-HĐND ngày 06/12/2018 của HĐND tỉnh về việc chia, nhập để thành lập và đặt tên mới thôn, tổ dân phố; đổi tên thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

- Nghị quyết 45/NQ-HĐND ngày 10/8/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai về việc điều chỉnh Nghị quyết số 100/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thông qua kết quả rà soát, quy hoạch 3 loại rừng đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2030 tỉnh Gia Lai;

- Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 07 tháng 7 năm 2019 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Gia Lai (Khóa XV) về bảo tồn và phát triển cây dược liệu trên địa bàn tỉnh Gia Lai đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Chương trình số 15-CTr/TU ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Gia Lai (Khóa XV) về tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới theo hướng nâng cao giá trị gia tăng, chất lượng sản phẩm, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ sinh học chất lượng cao vào sản xuất trong điều kiện biến đổi khí hậu; Kế hoạch số 2926/KH-UBND ngày 23/12/2019 của UBND tỉnh Gia Lai về việc Thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 03/07/2019 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh (Khóa XV) về Bảo tồn và phát triển cây dược liệu trên địa bàn tỉnh Gia Lai đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030; Quyết định 295/QĐ-UBND ngày 13/5/2021 của UBND tỉnh Gia Lai phê duyệt Đề án Bảo tồn và phát triển cây dược liệu trên địa bàn tỉnh Gia Lai đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Kế hoạch 2926/KH-UBND ngày 23/12/2019 của UBND tỉnh Gia Lai quy hoạch vùng trồng rau và cây dược liệu;

- Nghị quyết số 10-NQ/TU của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XV về phát triển sản xuất rau, hoa và cây ăn quả đến năm 2030, định hướng đến năm 2040; Quyết định số 107/QĐ-UBND ngày 26/02/2021 của UBND tỉnh Gia Lai phê duyệt Đề án phát triển sản xuất rau, hoa và cây ăn quả trên địa bàn tỉnh Gia Lai đến năm 2030, định hướng đến năm 2040;

- Báo cáo tình hình kinh tế xã hội của xã năm 2020;

- Các Quyết định của UBND huyện Chư Păh về việc Phê duyệt Quy hoạch xây dựng NTM của các xã trên địa bàn huyện giai đoạn 2011-2020;

- Báo cáo kế hoạch nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội 5 năm 2021- 2025 của xã Ia Krengh;

- Nghị quyết đại hội Đảng bộ xã 5 năm 2021- 2025 xã Ia Krengh;

- Đề án xây dựng xã NTM xã Ia Krengh giai đoạn 2011-2020;

- Đồ án quy hoạch xây dựng NTM xã Ia Krengh giai đoạn 2011-2020; Đồ án Điều chỉnh quy hoạch xây dựng NTM xã Ia Krengh giai đoạn 2017-2020;

- Báo cáo thuyết minh tổng hợp Quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2011-2020 của huyện Chư Păh; Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2016-2020 của huyện Chư Păh; Báo cáo thuyết minh tổng hợp Quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2030 của huyện Chư Păh (đã trình UBND tỉnh Gia Lai phê duyệt);

- Bản đồ Quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2011-2020 của huyện Chư Păh; Bản đồ Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2016-2020 của huyện Chư Păh; Bản đồ Quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2011-2020 của huyện Chư Păh (đã được Sở TNMT thẩm định);

- Kế hoạch sử dụng đất huyện Chư Păh các năm từ 2016-2021, kèm theo bản đồ và số liệu (*Kèm theo các Quyết định số 41/QĐ-UBND ngày 12/4/2016 của UBND tỉnh Gia Lai về phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2016 của huyện Chư Păh; Quyết định 159/QĐ-UBND ngày 06/3/2017 của UBND tỉnh Gia Lai về phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2017 của huyện Chư Păh; Quyết định 89/QĐ-UBND ngày 27/02/2018 của UBND tỉnh Gia Lai về phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2018 của huyện Chư Păh*);

- Kết quả kiểm kê đất đai, thành lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất 2019 huyện Chư Păh và các xã; Bản đồ hiện trạng sử dụng đất và số liệu thống kê đất đai năm 2020 huyện Chư Păh và các xã;

- Bản đồ hành chính huyện Chư Păh; Bản đồ địa chính, tỷ lệ 1/2000 (1/5.000) của xã và khu vực giáp ranh;

- Các tài liệu, số liệu, dự án, bản đồ khác có liên quan về giao thông, thủy lợi, điện... trên địa bàn huyện;

3. Quy mô, phạm vi và ranh giới nghiên cứu:

3.1. Quy mô: Toàn bộ diện tích tự nhiên của xã (11.149,15 ha).

3.2. Phạm vi nghiên cứu:

Phạm vi nghiên cứu liên vùng: Nghiên cứu vai trò của xã Ia Krengh trong mối quan hệ phát triển với các lãnh thổ lân cận có tác động trực tiếp đến xã bao gồm: thị trấn Ia Ly và các xã Ia Mơ Nông, xã Ia Ka.

Phạm vi nghiên cứu trực tiếp: Phạm vi quy hoạch bao gồm toàn bộ diện tích tự nhiên của xã (11.149,15 ha).

3.3. Ranh giới lập quy hoạch:

- Phía Bắc giáp tỉnh Kon Tum;
- Phía Nam giáp xã Ia Ka;
- Phía Đông giáp thị trấn Ia Ly và xã Ia Mơ Nông;
- Phía Tây giáp huyện Ia Grai;

3.4. Mốc thời gian thực hiện quy hoạch:

Quy hoạch được lập cho thời kỳ 10 năm 2021 – 2030 (có phân kỳ đầu tư theo hai giai đoạn 2021 - 2025; 2026 – 2030).

4. Các cơ sở bản đồ

- Sơ đồ vị trí mối liên hệ vùng
- Các số liệu, tài liệu, dự án, bản đồ khác có liên quan
- Căn cứ vào thực trạng kinh tế-xã hội, điều kiện của địa phương

CHƯƠNG 2

MỤC TIÊU VÀ NHIỆM VỤ, TÍNH CHẤT, CHỨC NĂNG KINH TẾ CHỦ ĐẠO CỦA XÃ VÀ MỘT SỐ NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH.

1. Mục tiêu và nhiệm vụ quy hoạch

1.1. Mục tiêu:

Mục tiêu của lập quy hoạch nhằm thúc đẩy quá trình đô thị hóa và xây dựng nông thôn mới hiệu quả, có chất lượng, bền vững hơn về môi trường, tiết kiệm tài nguyên, năng lượng, đảm bảo an ninh lương thực trên cơ sở tiếp tục xây dựng hoàn chỉnh, đổi mới mô hình phát triển theo mô hình mạng lưới, xanh, thông minh, bền vững; từng bước xây dựng và củng cố vững chắc nông thôn theo các tiêu chí nông thôn mới nâng cao và nông thôn mới kiểu mẫu; có cơ sở hạ tầng kỹ thuật phù hợp, đồng bộ, hiện đại, thích ứng với biến đổi khí hậu, có vai trò, vị thế xứng đáng, có tính cạnh tranh cao trong phát triển kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng.

1.2. Nhiệm vụ quy hoạch

- Bố trí sử dụng đất với các chỉ tiêu sử dụng đất phù hợp đảm bảo hài hòa giữa các mục tiêu ngắn hạn và dài hạn, phục vụ trực tiếp cho xây dựng cơ sở hạ tầng và phát triển sản xuất trên địa bàn.

- Về quy hoạch phát triển sản xuất nhằm:

+ Nâng cao hiệu quả và tính bền vững trong sử dụng đất và các nguồn tài nguyên khác phục vụ sản xuất và đời sống người dân.

+ Xác định các sản phẩm nông, lâm, thủy sản chiến lược cho xã trên cơ sở phân tích các nguồn lực và điều kiện phát triển cụ thể của xã.

- Quy hoạch hệ thống cơ sở hạ tầng trên địa bàn xã theo hướng đồng bộ phát triển có sự chọn lọc và kế thừa hệ thống cơ sở hạ tầng hiện tại.

- Xây dựng quy định quản lý theo đồ án quy hoạch chung xây dựng xã làm cơ sở pháp lý cho việc lập đề án, dự án đầu tư là cơ sở để các cơ quan, chính quyền địa phương tổ chức quản lý, kiểm soát phát triển theo quy hoạch được duyệt và quy định của pháp luật.

- Đề xuất các dự án ưu tiên đầu tư và nguồn lực thực hiện.

2. Tính chất

- Là vùng đệm chuyển tiếp giữa khu vực đô thị phát triển (thị trấn Ia Ly; Bảo tồn văn hóa lúa nước, văn hóa sản xuất nông nghiệp, duy trì cảnh quan nông thôn kết hợp phát triển sản xuất nông nghiệp chất lượng cao;

- Là khu vực quy hoạch với tính chất dịch vụ hỗ trợ nông nghiệp và các khu dân cư nông thôn đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế xã hội và cảnh quan tự nhiên; cải tạo hạ tầng kỹ thuật trong các thôn làng, cải thiện môi trường cư trú, xây dựng nền tảng cho phát triển nông nghiệp bền vững và phát triển dân cư hiện đại.

3. Kinh tế chủ đạo của xã:

- Là xã thuần nông, thu nhập chủ yếu từ sản xuất nông nghiệp.
- Là xã có quỹ đất lớn, có khả năng về sản xuất nông nghiệp và có điều kiện phát triển các loại cây công nghiệp kết hợp với một số cây công nghiệp dài ngày.
- Đầu tư công nghệ theo hướng sản xuất hiện đại, kết hợp với mô hình kinh tế trang trại, dịch vụ...

4. Một số nội dung điều chỉnh:

Việc điều chỉnh quy hoạch chung xã Ia Krong trên cơ sở kế thừa quy hoạch đã được phê duyệt trong đó điều chỉnh một số khu chức năng như sau:

- Cập nhật, bổ sung đường giao thông tại các thôn làng, đường ra khu sản xuất...
- Điều chỉnh vị trí và chuyển đổi chức năng một số công trình công cộng.
- Điều chỉnh mở rộng khu dân cư tại các thôn, các làng trên địa bàn xã.
- Điều chỉnh một số khu chức năng tại khu trung tâm xã.
- Điều chỉnh mạng lưới hệ thống hạ tầng kỹ thuật đi kèm.

(Rà soát đánh giá các tiêu chí theo Quyết định 598/QĐ-UBND ngày 14/10/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai Ban hành bộ tiêu chí xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2019-2020 thực hiện trên địa bàn tỉnh Gia Lai).

CHƯƠNG 3

DỰ BÁO SƠ BỘ QUY MÔ DÂN SỐ, LAO ĐỘNG, QUY MÔ ĐẤT XÂY DỰNG TOÀN XÃ

1. Dự báo quy mô dân số trên phạm vi toàn xã.

Biểu: Dự báo dân số, lao động và việc làm

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm quy hoạch		
		HT, 2020	2025	2030
- Dân số nông thôn	Người	1.875	2.110	2.384
- Số hộ nông thôn	Hộ	548	617	701
- Lao động, việc làm, thu nhập	Lao động	1.015	1.160	1.311
- Tỷ lệ tăng tự nhiên	%	1,012	0,99	0,95
- Tỷ lệ tăng cơ học	%	0,00	0,52	0,65

2. Dự báo quy mô đất đai trên phạm vi toàn xã:

- Tổng diện tích tự nhiên của xã Ia Krenng: 11.149,15 ha
- Quy mô đất đai trên phạm vi toàn xã đến năm 2030: 11.149,15 ha

Biểu: Dự báo nhu cầu sử dụng đất đến năm 2030

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Xã Ia Krenng		
			HT 2020	QH 2030	(+/-)
1	Đất nông nghiệp	NNP	8.882,20	10.483,82	1.601,62
1.1	Đất trồng lúa	LUA	38,08	36,44	(1,64)
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>12,88</i>	<i>0,11</i>	<i>(12,77)</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	1.141,59	783,62	(357,97)
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	1.539,69	1.398,08	(141,61)
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	2.951,25	4.402,41	1.451,16
1.5	Đất rừng sản xuất	RSX	3.209,12	3.780,60	571,48
1.6	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	0,13	0,33	0,20
1.7	Đất nông nghiệp khác	NKH	2,34	82,34	80,00
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	567,14	655,01	87,87
2.1	Đất quốc phòng	CQP	-	8,20	8,20
2.2	Đất an ninh	CAN	-	0,22	0,22
2.3	Đất cụm công nghiệp	SKN	-	0,00	0,00
2.4	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	-	3,36	3,36
2.5	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	-	0,48	0,48

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Xã Ia Krenng		
			HT 2020	QH 2030	(+/-)
2.6	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	-	15,00	15,00
2.7	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	8,25	10,25	2,00
2.8	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	526,93	561,74	34,81
-	Đất giao thông	DGT	48,25	57,63	9,38
-	Đất thủy lợi	DTL	-	1,02	1,02
-	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	-	1,28	1,28
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	0,29	0,34	0,05
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	3,10	3,29	0,19
-	Đất xây dựng cơ sở thể thể dục thể thao	DTT	0,12	2,54	2,42
-	Đất công trình năng lượng	DNL	474,57	488,19	13,61
-	Đất công trình bưu chính, viễn thông	DBV	-	0,15	0,15
-	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	-	1,00	1,00
-	Đất cơ sở tôn giáo	TON	-	0,20	0,20
-	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa	NTD	0,60	5,60	5,00
-	Đất chợ	DCH	-	0,50	0,50
2.9	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	0,74	0,74	0,00
2.10	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	-	0,25	0,25
2.11	Đất ở tại nông thôn	ONT	21,21	28,69	7,48
2.12	Đất ở tại đô thị	ODT	-	0,00	0,00
2.13	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	0,78	0,78	0,00
2.14	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	0,10	0,30	0,20
2.15	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG	-	0,00	0,00
2.16	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	9,13	8,63	-0,50
2.17	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	-	-0,12	-0,12
2.18	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	-	1,50	1,50
3	Đất chưa sử dụng	CSD	1.699,81	10,32	-1.689,49

4. Giai đoạn lập quy hoạch: Ngắn hạn đến năm 2025 và dài hạn đến năm 2030

CHƯƠNG 4

CÁC NGHIÊN CỨU TRONG QUÁ TRÌNH LẬP ĐỒ ÁN

I. Về hiện trạng khu vực lập quy hoạch:

1. Hiện trạng về điều kiện tự nhiên:

Vị trí địa lý: Xã Ia Kreng nằm cách trung tâm huyện Chư Păh khoảng 41 km về hướng Đông Nam, có diện tích tự nhiên là 11.149,15 ha, xã được nối liền với trung tâm huyện và các xã xung quanh bởi trục đường liên xã, ranh giới xã được xác định như sau:

- Phía Bắc giáp tỉnh Kon Tum;
- Phía Nam giáp xã Ia Ka;
- Phía Đông giáp thị trấn Ia Ly và xã Ia Mơ Nông;
- Phía Tây giáp huyện Ia Grai;

Địa hình, địa mạo: Xã Ia Kreng có xu hướng địa hình bằng thấp, nghiêng từ Tây sang Đông, dốc dần về phía sông Sê San. Độ cao trung bình từ 557 – 1.097 m so với mực nước biển (557 m đối với khu vực vùng trũng trồng lúa và sông suối ở và 1.097 m đối với khu vực phía Tây xã). Thảm thực vật chính trên dạng địa hình này là lúa, hoa màu và các loại cây công nghiệp dài ngày. Nhìn chung, đất đai có độ phì cao, thuận lợi cho công tác tưới tiêu, thủy lợi nên hiện tại và lâu dài là vùng sản xuất cây lương thực và cây công nghiệp lâu năm tập trung quy mô lớn.

Điều kiện khí hậu: Huyện Chư Păh nói chung và xã Ia Kreng nói riêng mang đặc trưng khí hậu của vùng Tây nguyên, đó là vùng khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa của phía nam Việt Nam, có sự phân hóa và tương phản giữa 02 mùa rõ rệt. Mùa khô, bắt đầu từ tháng 11 năm trước đến tháng 4 năm sau, mùa này có đặc điểm khô hạn. không có mưa. Mùa mưa, nóng ẩm, mưa nhiều, bắt đầu từ tháng 5 đến tháng 10. Nhiệt độ trung bình/ năm khoảng 23,1°C. Biên độ chênh lệch nhiệt độ giữa ngày và đêm bình quân khoảng từ 10 đến 14°C. Nhiệt độ cao đều trong năm và ít thay đổi, trung bình cả năm khoảng 26°C (dao động trong khoảng 21°C). Chênh lệch nhiệt độ giữa tháng nóng nhất và tháng lạnh nhất khoảng 5-6°C, tháng có nhiệt độ cao nhất là tháng 4, thấp nhất là tháng 12.

Độ ẩm: Độ ẩm tương đối của không khí ít biến đổi và dao động không nhiều giữa các tháng trong năm, độ ẩm không khí trung bình hàng năm khoảng 80 - 83%. Độ ẩm không khí trung bình của các tháng mùa mưa thường cao hơn so với các tháng mùa khô. Độ ẩm không khí trung bình cao nhất có thể đạt trên 96,4% (tháng 7, 8), thấp nhất khoảng 57,8% (tháng 3, 4).

Lượng mưa: Tổng lượng mưa trung bình hàng năm khoảng 2.360 mm, mùa mưa thường bắt đầu từ tháng 5 và kéo dài đến tháng 11, lượng mưa thường chiếm 90% tổng lượng mưa hàng năm. Ngược lại với quy luật phân bố lượng mưa theo thời

gian, lượng bốc hơi tăng trong các tháng mùa khô và giảm vào các tháng mùa mưa. Vào các tháng mùa khô do lượng bốc hơi vượt xa lượng mưa đã làm cho đất đai khô kiệt, thời tiết nóng, mực nước ngầm tụt sâu...

Chế độ gió: Hướng gió thịnh hành thay đổi theo mùa. Chế độ gió mang sắc thái của gió mùa khu vực Đông Nam Á rõ rệt. Mùa đông hướng gió chiếm ưu thế là Đông Bắc với tần suất xấp xỉ 70%. Mùa hè, thịnh hành hướng gió Tây và Tây Nam chiếm ưu thế tuyệt đối xấp xỉ 90%. Tốc độ gió trung bình 3 m/s và ít thay đổi qua các tháng, song có sự khác nhau giữa các vùng do ảnh hưởng của địa hình. Ở những vùng thung lũng thấp, kin tốc độ gió nhỏ hơn ở các vùng cao nguyên thoáng gió.

2. Hiện trạng sử dụng đất:

Tổng diện tích tự nhiên: 11.149,15 ha, trong đó:

Biểu: Hiện trạng sử dụng đất xã Ia Krenng năm 2020

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	HT 2020
1	Đất nông nghiệp	NNP	8.882,20
1.1	Đất trồng lúa	LUA	38,08
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>12,88</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	1.141,59
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	1.539,69
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	2.951,25
1.5	Đất rừng sản xuất	RSX	3.209,12
1.6	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	0,13
1.7	Đất nông nghiệp khác	NKH	2,34
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	567,14
2.1	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	8,25
2.2	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	526,93
-	<i>Đất giao thông</i>	<i>DGT</i>	<i>48,25</i>
-	<i>Đất xây dựng cơ sở y tế</i>	<i>DYT</i>	<i>0,29</i>
-	<i>Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo</i>	<i>DGD</i>	<i>3,10</i>
-	<i>Đất xây dựng cơ sở thể thể dục thể thao</i>	<i>DTT</i>	<i>0,12</i>
-	<i>Đất công trình năng lượng</i>	<i>DNL</i>	<i>474,57</i>
-	<i>Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa</i>	<i>NTD</i>	<i>0,60</i>
2.3	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	0,74
2.4	Đất ở tại nông thôn	ONT	21,21
2.5	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	0,78
2.6	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	0,10

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	HT 2020
2.7	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	9,13
3	Đất chưa sử dụng	CSD	1.699,81

3. Hiện trạng hạ tầng xã hội-hạ tầng kỹ thuật.

3.1 Hiện trạng hạ tầng xã hội, hiện trạng kiến trúc:

3.1.1. Hiện trạng hạ tầng xã hội:

a. Hiện trạng thôn xóm và nhà ở

Thực trạng phân bố dân cư: Nhìn chung cơ cấu thành phần dân cư của xã được phân bố đều dọc theo trục đường liên xã - là nơi tập trung nhiều thôn, làng mang đậm sắc thái sinh hoạt của đồng bào Tây Nguyên từ hình thái quần cư, kiến trúc nhà ở đến sinh hoạt trong cộng đồng dân cư. Nông thôn xã có nhiều đổi mới so với trước đây, hệ thống giao thông từng bước được xây dựng hoàn chỉnh, nhà ở nhân dân từng bước được kiên cố hóa.

Các khu vực dân cư nông thôn trên địa bàn xã hình thành tập trung theo dạng điểm.. Dân cư phân bố không đồng đều, mật độ dân cư thưa thớt. Cơ sở hạ tầng nhìn chung còn thiếu và chủ yếu còn ở quy mô vừa và nhỏ.

Nhìn chung, các khu vực dân cư nông thôn trên địa bàn xã phân bố không đồng đều, mật độ dân cư thưa thớt. Cơ sở hạ tầng nhìn chung còn thiếu và chủ yếu còn ở quy mô vừa và nhỏ. Nhà ở dân cư xen kẽ nhau, diện tích đất ở khá chật hẹp, đường đất nội thôn chật hẹp. Bố cục không gian thôn, làng theo tập quán quần cư của người dân địa phương. Dân cư tại các làng được tập trung theo từng cụm dân cư nhỏ kết nối với nhau theo các trục giao thông chính. Đối với các hộ dân vẫn chưa hình thành không gian riêng cho từng hộ, chưa xây dựng hàng rào cổng ngõ.

- Hiện trạng nhà ở của nhân dân trên địa bàn xã chủ yếu là nhà sàn ván gỗ, nhà trệt, nhà xây lợp ngói hoặc tôn. Các hộ xây dựng nhà 1-2 tầng kiên cố có tỷ lệ khá thấp.

- Hầu hết là hộ nông nghiệp; Tổ chức sản xuất của các hộ nông dân đơn giản, mang nặng tính tự nhiên; nhà ở phần lớn chưa có vườn, một số ít có vườn đều là vườn tạp hoặc bỏ hoang.

- Vệ sinh môi trường, phòng chống dịch bệnh kém; nhà ở không có nhà vệ sinh, chăn nuôi gia súc, gia cầm thả rông.

- Bố cục lô đất lộn xộn, không có sự thống nhất về hình thức kiến trúc gây mất mỹ quan cho cảnh quan chung.

b. Hiện trạng công trình công cộng:

Công trình hành chính:

- Có đầy đủ trụ sở, cơ quan ban ngành cấp xã.

Hệ thống giao thông:

- Tuyến giao thông quan trọng nhất là động lực để thúc đẩy kinh tế xã hội của xã Ia Krenng phát triển là tuyến đường liên xã.

- Hệ thống giao thông nông thôn, nội đồng cũng được chú trọng phát triển về số lượng cũng như về chất lượng phục vụ. Tuy nhiên hiện trạng các tuyến giao thông này chủ yếu là đường cấp phối, đường đất thường xuyên bị lầy lội đặc biệt vào mùa mưa làm giảm rõ rệt khả năng vận chuyển hàng hóa, đi lại của người dân. Các tuyến giao thông này đóng một vai trò hết sức quan trọng đối với sự phát triển kinh tế xã hội chung của xã đặc biệt khi Ia Krenng lại là xã chủ yếu là sản xuất nông nghiệp, khối lượng vận chuyển nông sản là rất lớn.

Hiện trạng hạ tầng kỹ thuật:

- Công trình hành chính: Gồm trụ sở Đảng ủy, UBND, HÒND xã và các phòng ban chuyên môn; Hội trường, nơi tiếp nhận hồ sơ thủ tục hành chính và tiếp dân. Trụ sở nhà 2 tầng kiên cố, chất lượng trung bình, diện tích phòng làm việc đảm bảo. Khuôn viên cây xanh đang được đầu tư xây dựng.

- Chợ: Xã chưa có chợ (có nơi trao đổi, mua bán hàng hóa đảm bảo nhu cầu cung cấp các loại nhu yếu phẩm cho nhân dân).

- Về thương mại dịch vụ: Tập trung chủ yếu trên khu vực trung tâm xã với một số loại hình kinh doanh chính như: Sửa chữa ô tô, xe máy; xay sát lúa gạo; kinh doanh phân bón, xăng dầu,... Các thôn có một số hộ gia đình thu mua nông sản và kết hợp bán tạp hóa nhỏ lẻ phục vụ cho nhu cầu của người dân tại từng khu vực.

- Giáo dục: Xã có các công trình giáo dục như: Trường Mầm non; Trường Tiểu học xã Ia Krenng; Trường Trung học cơ sở xã Ia Krenng tại trung tâm xã. Nhìn chung, đảm bảo cơ sở vật chất trường lớp khá khang trang.

- Y tế: Hiện đã có trạm y tế xã phục vụ nhu cầu khám chữa bệnh cho nhân dân trên địa bàn xã.

- Văn hóa - thể thao: Đời sống văn hóa, tinh thần của đồng bào tại xã còn thiếu; mức hưởng thụ văn hóa của đồng bào thấp so với nhiều xã trong huyện. Hiện nay, xã chưa có khu thể thao xã đạt chuẩn. Hiện xã có 100% thôn làng có nhà văn hóa.

- Cấp điện: Xã được cấp điện từ nguồn điện lưới quốc gia thông qua đường dây 22Kv, 110 Kv, 220 Kv, 500 Kv. Các điểm dân cư đã có điện lưới quốc gia, có 100% hộ dân sử dụng điện. Tuyến đường chính dọc đường Tỉnh 661 đã có hệ thống chiếu sáng như chưa đảm bảo, số lượng còn hạn chế chưa đáp ứng được nhu cầu.

- Cấp nước: Hiện nay có hệ thống nước tự chảy các làng, giếng đào, giếng khoan, cung cấp 50% nhu cầu nước sinh hoạt cho nhân dân.

- San nền và thoát nước mưa:

+ Nền đất: Địa hình tương đối bằng phẳng tại khu trung tâm, ngoài ra một số khu vực địa hình có sự chia cắt theo các hợp thủy về các nhánh suối, ao hồ...

+ Thoát nước: Hiện nay chưa có hệ thống thoát nước, chủ yếu là thoát nước mặt theo địa hình tự nhiên.

- Thông tin liên lạc: Hiện tại trên địa bàn xã chưa có hệ thống cáp quang, chưa có hệ thống mạng Internet đến nhà dân, do khả năng tiếp cận thông tin và điều kiện sống của người dân trong xã còn nhiều khó khăn.

Hiện trạng sản xuất: Hình thức sản xuất chủ yếu trên địa bàn xã là nông nghiệp, với một số cây trồng chủ lực như: cây lâu năm gồm cây cà phê, cây cao su, cây hồ tiêu, cây sầu riêng, cây bời lời đỏ; cây hàng năm gồm cây Lúa, ngô, mì, chanh dây, rau các loại, ...

Hiện trạng môi trường:

Hiện trạng môi trường không khí: Nguồn gây ô nhiễm không khí trong khu vực chủ yếu do hoạt động giao thông, đào đất; từ hoạt động thu gom, vận chuyển rác thải trong khu vực, hoạt động chăn nuôi. Tuy nhiên, mức độ ô nhiễm do khí thải chưa phải là nguy cơ đe dọa môi trường của xã.

Thực trạng công tác quản lý chất thải rắn: Nguồn phát sinh chất thải rắn trên địa bàn huyện chủ yếu là từ các hoạt động nông - lâm - nghiệp và sinh hoạt hàng ngày của người dân. Biện pháp xử lý chất thải rắn hiện nay là thu gom, chôn lấp hợp vệ sinh tại bãi rác chung của huyện. Phần lớn chất thải rắn được đơn vị chức năng thu gom dọc theo các trục đường lớn trong khu vực. Một phần chất thải rắn phát sinh trên các tuyến đường trong thôn xóm người dân chủ yếu tự xử lý bằng cách chôn lấp tại vườn. Chất thải rắn y tế được bệnh viện thu gom và tự xử lý bằng cách đốt trong khuôn viên bệnh viện. Chất thải rắn tại các trạm y tế các xã chưa được phân loại, thu gom và xử lý triệt để, đổ chung vào xử lý cùng rác thải sinh hoạt.

3.1.2. Hiện trạng kiến trúc:

- Các công trình kiến trúc chính phần lớn tập trung tại khu trung tâm vì bao gồm: Trụ sở làm việc của xã, trạm y tế, các công trình giáo dục Mẫu giáo tiểu học, THCS và công trình nhà ở của người dân kiên cố nằm dọc theo tuyến đường liên xã đây là điểm nhấn chính về kiến trúc cảnh quan và là bộ mặt cho khu trung tâm.

- Kiến trúc về nhà ở và các công trình công cộng cấp thôn, làng tập trung tại trung tâm các thôn làng phần lớn cũng đã được kiên cố hóa. Một phần như nhà ở còn lại của người Jarai trên địa bàn xã còn mang tính truyền thống,

3.2. Hiện trạng hạ tầng kỹ thuật:

a. Giao thông:

- Tuyến giao thông quan trọng nhất là động lực để thúc đẩy kinh tế xã hội của xã Ia Krenng phát triển là tuyến liên xã.

- Hạ tầng giao thông mặc dù được đầu tư nhiều nhưng vẫn chưa đáp ứng yêu cầu đặt ra. Giao thông nội đồng còn nhiều tuyến chưa được đầu tư xây dựng gây khó khăn cho người dân trong việc đầu tư sản xuất, vận chuyển và tiêu thụ nông sản nhất là vào mùa mưa.

b. Cấp điện:

- Xã Ia Krenng được cấp điện từ nguồn điện lưới quốc gia thông qua đường dây 22KV.

- Các điểm dân cư đã có điện lưới quốc gia, có 100% hộ dân sử dụng điện thường xuyên.

c. Cấp nước:

Hiện trạng người dân chủ yếu sử dụng nước giếng đào và số ít giếng khoan.

d. San nền và thoát nước mưa:

- Nền đất: Địa hình độ dốc nhiều diện tích bằng phẳng ít chủ yếu tại khu trung tâm, ngoài ra một số khu vực địa hình có sự chịu cắt theo các hợp thủy về các nhánh suối, ao hồ...

- Thoát nước: Đã được đầu tư xây dựng tại một số tuyến đường chính và đang từng bước hoàn thiện tại khu vực trung tâm xã... Các khu vực thôn làng chủ yếu thoát nước theo địa hình tự nhiên về các khu vực hợp thủy và đổ ra suối.

e. Thông tin liên lạc

- Hiện nay khu vực quy hoạch đã có mạng lưới thông tin liên lạc.

- Thông tin di động khu quy hoạch nằm trong khu vực phủ sóng của hầu hết của các nhà cung cấp dịch vụ.

II. Các yếu tố tác động của vùng xung quanh ảnh hưởng đến phát triển không gian trên địa bàn xã:

Xã Ia Krenng là khu vực sản xuất nông nghiệp có vai trò quan trọng trong phát triển nông nghiệp bền vững, sử dụng hiệu quả các nguồn tài nguyên (cơ bản là tài nguyên đất và nước), đảm bảo hài hoà giữa nhu cầu sử dụng đất nông nghiệp và nhu cầu sử dụng đất cho các ngành khác. Quy hoạch sản xuất nông nghiệp trên địa bàn xã có nhiều thuận lợi do trong thời gian qua xã đã nỗ lực thực hiện các vấn đề then chốt như nâng cấp hệ thống hạ tầng, đẩy mạnh công tác khuyến nông nhằm phát triển sản xuất nông nghiệp trên cơ sở định hướng thị trường.

III. Các dự án và quy hoạch đang triển khai trên địa bàn xã:

- Các dự án đầu tư xây dựng theo chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới;
- Quy hoạch chi tiết xây dựng khu trung tâm xã;
- Quy hoạch xây dựng nông thôn mới xã giai đoạn 2010-2020; Quy hoạch chi tiết xây dựng khu trung tâm xã;
- Một số dự án về nông nghiệp công nghệ cao; dự án điện năng lượng tái tạo đang triển khai trên địa bàn xã.

IV. Tiềm năng, động lực chính phát triển kinh tế xã hội của xã

- Xã Ia Krenng có tổng diện tích tự nhiên 11.149,15 ha, trong đó đất sản xuất nông nghiệp chiếm 79,66% (8.882,20 ha). Quỹ đất rộng là tiềm năng lớn cho phát triển kinh tế-xã hội ở địa phương.
- Trong định hướng phát triển chung, trên địa bàn xã Ia Krenng sản xuất nông nghiệp vẫn được chú trọng phát triển. Công tác tổ chức sản xuất cần được quan tâm. Ngoài các sản phẩm thông dụng hiện có sẽ phát triển sản xuất các sản phẩm có chất lượng cao đem lại giá trị kinh tế và hiệu quả cao hơn.
- Định hướng phát triển kinh tế của xã xác định tiếp tục chuyển đổi cơ cấu kinh tế theo hướng giảm tỷ trọng nông, lâm nghiệp và thủy sản, tăng tỷ trọng ngành công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ, thương mại.

V. Quan điểm quy hoạch:

- Quy hoạch phải dựa trên phân tích kỹ các đặc điểm tự nhiên và kinh tế. xã hội của địa phương nhằm phát huy được các lợi thế và hạn chế các tác động tiêu cực.
- Quy hoạch phải theo hướng giải quyết tốt vấn đề nông nghiệp, nông thôn và nông dân về xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu.
- Quy hoạch phải đảm bảo sự phát triển bền vững và gắn với việc thực hiện các chính sách xã hội và bảo vệ môi trường sinh thái.
- Quy hoạch mạng lưới điểm dân cư nông thôn đảm bảo điều kiện liên hệ thuận tiện trong sinh hoạt và sản xuất của người dân.
- Giải quyết tốt mối quan hệ giữa việc xây dựng hiện tại với dự kiến phát triển tương lai.
- Dàn lấp đầy những vị trí đất trong các khu dân cư để tạo điều kiện hình thành các khu dân cư tập trung.
- Đáp ứng yêu cầu sản xuất và dân sinh.
- Đảm bảo chỉ tiêu sử dụng đất cho việc xây dựng đồng bộ hạ tầng kỹ thuật.
- Đảm bảo yêu cầu về cấp thoát nước, xử lý nước thải, vệ sinh môi trường.

- Đảm bảo các yêu cầu về an ninh, quốc phòng...

VI. Tổ chức không gian tổng thể toàn xã, tổ chức, phân bố các khu chức năng; hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng phục vụ sản xuất:

1. Các yêu cầu về bố trí mạng lưới dân cư, mạng lưới các công trình công cộng, công trình phục vụ sản xuất:

- Phân bố dân cư: xác định các khu vực dân cư hiện trạng cải tạo, các khu vực dân cư phát triển mới (vị trí, quy mô) lưu ý đến vấn đề bố trí tập trung để đảm bảo thuận lợi cung cấp hạ tầng kỹ thuật và tạo dựng bộ mặt kiến trúc cảnh quan cho từng khu vực.

- Hệ thống các công trình công cộng, các công trình hiện trạng cải tạo, các công trình xây dựng mới (nêu rõ vị trí, quy mô, các hạng mục cải tạo và xây dựng mới).

- Các giải pháp cải tạo và xây mới đối với các loại nhà ở: giải pháp tổ chức lô đất các yêu cầu về kiến trúc công trình, công, tường rào....

- Công trình CN- TTCN và phục vụ sản xuất vị trí, quy mô các khu chăn nuôi tập trung và TTCN, các khu vực sản xuất khác..

- Định hướng quy hoạch sử dụng đất.

- Định hướng phát triển không gian kiến trúc cảnh quan cho khu dân cư, nhà ở, công trình công cộng.

2. Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật:

2.1. Chỉ tiêu sử dụng đất:

* Chỉ tiêu sử dụng đất điểm dân cư nông thôn:

<i>Loại đất</i>	<i>Chỉ tiêu sử dụng đất (m²/người)</i>
Đất xây dựng công trình nhà ở	25
Đất xây dựng công trình công cộng, dịch vụ	5
Đất cho giao thông và hạ tầng kỹ thuật	5
Cây xanh công cộng	2
<i>Ghi chú: Không bao gồm đất để bố trí các công trình hạ tầng thuộc cấp quốc gia, tỉnh, huyện</i>	

Bảng: Quy định về quy mô tối thiểu của các công trình công cộng, dịch vụ

Loại công trình	Chỉ tiêu sử dụng công trình tối thiểu	Chỉ tiêu sử dụng đất tối thiểu	Bán kính phục vụ tối đa
1. Giáo dục			

Loại công trình	Chỉ tiêu sử dụng công trình tối thiểu	Chỉ tiêu sử dụng đất tối thiểu	Bán kính phục vụ tối đa
a. Trường, điểm trường mầm non - Vùng đồng bằng: - Vùng miền núi, vùng cao, vùng sâu, vùng xa:	50 chỗ/1.000 dân	12 m ² /chỗ	1 km 2 km
b. Trường, điểm trường tiểu học - Vùng đồng bằng: - Vùng miền núi, vùng cao, vùng sâu, vùng xa:	65 chỗ/1.000 dân	10 m ² /chỗ	1 km 2 km
c. Trường trung học	55 chỗ/1.000 dân	10 m ² /chỗ	
2. Y tế			
Trạm y tế xã - Không có vườn thuốc - Có vườn thuốc	1 trạm/xã	500 m ² /trạm 1.000 m ² /trạm	
3. Văn hóa, thể thao công cộng			
a. Nhà văn hóa		1.000 m ² /công trình	
b. Phòng truyền thống		200 m ² /công trình	
c. Thư viện		200 m ² /công trình	
d. Hội trường		100 chỗ/công trình	
e. Cụm công trình, sân bãi thể thao		5.000 m ² /cụm	
4. Chợ, cửa hàng dịch vụ			
a. Trung tâm thương mại	1 chợ/xã	10.000 m ²	
b. Cửa hàng dịch vụ trung tâm	1 công trình/khu trung tâm	300 m ²	
5. Điểm phục vụ bưu chính viễn thông			
Điểm phục vụ bưu chính, viễn thông (bao gồm cả truy cập Internet)	1 điểm/xã	150 m ² /điểm	
<p><i>CHÚ THÍCH 1: Các hạng mục văn hóa, thể thao công cộng phải kết hợp trong cùng nhóm công trình để đảm bảo sử dụng khai thác hiệu quả;</i></p> <p><i>CHÚ THÍCH 2: Tùy theo đặc điểm địa phương có thể bố trí cho xã hoặc liên xã.</i></p>			

2.2. Chỉ tiêu về hạ tầng kỹ thuật:

2.2.1. Cấp điện:

Nhu cầu điện phục vụ sinh hoạt điểm dân cư nông thôn cần đảm bảo đạt tối thiểu là $\geq 150\text{W}/\text{người}$.

Nhu cầu điện cho công trình công cộng phải đảm bảo lớn hơn 15% nhu cầu điện sinh hoạt.

2.2.2. Cấp nước:

- Nước cấp cho sinh hoạt: Trường hợp cấp nước đến hộ gia đình đảm bảo tối thiểu $\geq 60\text{ lit}/\text{người}/\text{ngày}$ đêm. Trường hợp cấp nước đến vị trí lấy nước công cộng đảm bảo tối thiểu $2.40\text{ lit}/\text{người}$ ngày đêm.

- Nước rửa đường $0,4\text{ lit}/\text{m}^2$ /ngày đêm.

2.2.3. Thoát nước:

- Tối thiểu phải thu gom đạt 280% lượng nước thải phát sinh để xử lý.

2.2.4. Rác thải sinh hoạt:

- Tiêu chuẩn rác thải sinh hoạt: $0,8\text{ kg}/\text{người}$ ngày

2.2.5. Hệ thống thông tin liên lạc:

- Tỷ lệ đường dây thuê bao cố định 20 – 25 đường/100 dân.

- Tỷ lệ thuê bao Internet băng rộng cố định 15 – 20 thuê bao 100 dân.

- Tỷ lệ thuê bao băng rộng di động 35 – 40 thuê bao 100 dân.

- Tỷ lệ hộ gia đình có điện thoại cố định 40-45% tỷ lệ hộ gia đình có truy cập Internet 15-40%; tỷ lệ người sử dụng Internet 55-60% .

(Ghi chú Các chỉ tiêu sẽ được rà soát và tính toán cụ thể trong quá trình triển khai nghiên cứu quy hoạch và đảm bảo phù hợp với QCVN 01 2021/BXD, OCVN 07:2016/BXD và các văn bản quy định mới ban hành)

3. Mạng lưới công trình hạ tầng kỹ thuật kết nối các thôn, bản với nhau, với vùng sản xuất và các khu động lực có ảnh hưởng đến phát triển kinh tế - xã hội của xã:

* Chuẩn bị kỹ thuật:

- San nền: san lấp cục bộ khu vực xây dựng công trình, các khu vực khác giữ nguyên địa hình hiện trạng.

Thoát nước: chia thành những lưu vực thoát nước chính, chế độ thoát nước tự chảy dựa vào độ dốc địa hình tự nhiên, bố trí công thoát nước cho khu vực có động hộ gia đình tập trung sinh sống.

* Giao thông: các trục đường xã cần được xây dựng mở rộng hoàn chỉnh, cơ bản đạt đường giao thông nông thôn cấp B.

Tận dụng tối đa các đường sản xuất đã có đáp ứng yêu cầu đi lại thuận tiện, nối liền các tuyến đường huyện, đường xã để người dân đi làm và thu hoạch sản phẩm được thuận tiện.

- Bố trí các đường vận chuyển sản phẩm không gây cản trở cho việc đi lại của người dân và làm hỏng kết cấu mặt đường.

* Cấp điện: sử dụng các nguồn điện hiện có và quy hoạch nguồn điện mô phù hợp.

* Cơ sở hạ tầng các công trình về Văn hoá, giáo dục:

- Nhà văn hoá thôn, làng : Sân thể thao thôn làng.

- Trường lớp học mẫu giáo, tiểu học tại thôn làng. Cấp nước: sử dụng các nguồn nước mưa; nước ngầm, nước mặt dùng trong sinh hoạt và sản xuất nông nghiệp... Quy hoạch hệ thống cấp nước cho phù hợp với thực tế địa phương.

* Thoát nước bản, thu gom và xử lý CTR; nghĩa trang nông thôn.

- Sử dụng hệ thống thoát nước chung. Nước thải sinh hoạt sau khi được xử lý cục bộ tại chỗ được dẫn ra công chung và thoát về khu vực xử lý tập trung đối với khu trung tâm xã. Ngoài ra các khu vực còn lại cần có cách xử lý nước thải hợp lý đảm bảo về môi trường.

- Thu gom và xử lý CTR sinh hoạt tại các thôn, bản đến điểm tập trung để xử lý.

- Sử dụng nghĩa địa hiện có, cần khoanh định các nghĩa địa hiện có và quy hoạch mới đất nghĩa địa hợp lý đảm bảo vệ sinh môi trường.

4. Yêu cầu về đảm bảo vệ sinh môi trường trong các thôn, làng

- Các điểm dân cư ở nông thôn tập trung phải có hệ thống thoát nước mưa và nước thải sinh hoạt, đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường, hợp vệ sinh.

- Nước thải từ các làng nghề sản xuất, các trại chăn nuôi, sản xuất chế biến nông sản bị nhiễm bẩn và gây độc hại phải được phân loại và thu gom ra hệ thống thoát nước riêng hợp vệ sinh và xử lý đạt yêu cầu về môi trường.

- Phải xây dựng nhà xí hợp vệ sinh.

- Chuồng trại chăn nuôi phải cách xa nhà ở, phân nước tiểu từ chuồng trại phải được thu gom và có giải pháp xử lý phù hợp

- Chất thải từ các hộ gia đình phải được phân loại, thu gom và xử lý.

5. Đánh giá môi trường chiến lược:

* Phân tích, dự báo tác động và diễn biến môi trường khi chưa thực hiện quy hoạch xây dựng.

- Mô tả tổng quan hiện trạng môi trường và diễn biến môi trường xã hội có liên quan đến xây dựng và các thành phần môi trường tự nhiên. Đánh giá mức độ suy thoái về môi trường, nguyên nhân và diễn biến môi trường trong tương lai khi chưa thực hiện quy hoạch xây dựng.

- Dự báo tác động và diễn biến môi trường do hoạt động từ các khu dân cư, cơ sở sản xuất công nghiệp, xử lý chất thải trên cơ sở định hướng phát triển không gian.

* Phân tích, dự báo tác động và diễn biến môi trường khi thực hiện quy hoạch xây dựng:

- Đánh giá sự thống nhất giữa các quan điểm, mục tiêu của quy hoạch và các mục tiêu bảo vệ môi trường.

- Nhận diện diễn biến và các tác động môi trường chính có thể xảy ra khi thực hiện quy hoạch xây dựng.

- Phân tích, tính toán, dự báo các tác động và diễn biến môi trường trên cơ sở các dữ liệu của các phương án quy hoạch xây dựng.

- Phân tích, dự báo các tác động và diễn biến môi trường trong quá trình thực hiện quy hoạch.

* Các giải pháp quy hoạch xây dựng nhằm giảm thiểu và khắc phục các tác động và diễn biến môi trường đã được nhận diện

- Các giải pháp kỹ thuật để kiểm soát ô nhiễm, phòng tránh, giảm nhẹ thiên tai hay ứng phó sự cố môi trường, kiểm soát các tác động môi trường; kế hoạch quản lý và giám sát môi trường.

Tổng hợp, đề xuất, xếp thứ tự ưu tiên các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu, cải thiện các vấn đề môi trường còn tồn tại trong đồ án quy hoạch; đề xuất các khu vực cách ly bảo vệ môi trường (các không gian xanh, hành lang bảo vệ sông hồ, các khu vực hạn chế phát triển...).

CHƯƠNG 5

HỒ SƠ SẢN PHẨM VÀ DỰ TOÁN KINH PHÍ

1. Hồ sơ bản vẽ của đề án Quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới:

Thành phần hồ sơ bản vẽ theo Thông tư số 02/2017/TT-BXD ngày 01/3/2017 của Bộ xây dựng Hướng dẫn về quy hoạch xây dựng nông thôn;

Hồ sơ gồm:

- Sơ đồ vị trí, mối liên hệ vùng, tỷ lệ thích hợp.
- Bản đồ hiện trạng tổng hợp, đánh giá đất xây dựng; tỷ lệ: 1/10.000.
- Sơ đồ định hướng phát triển không gian toàn xã; tỷ lệ: 1/10.000.
- Bản đồ quy hoạch sử dụng đất; tỷ lệ: 1/10.000.
- Bản đồ quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật và môi trường; hạ tầng phục vụ sản xuất; tỷ lệ: 1/10.000.
- Báo cáo tổng hợp gồm Thuyết minh và các văn bản pháp lý đi kèm.

2. Số lượng hồ sơ:

- + 07 bộ bản vẽ.
- + 07 bộ thuyết minh và bản vẽ A3.

3. Dự toán kinh phí:

- Căn cứ Thông tư 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị.

CHƯƠNG 6

TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN

1. Tổ chức thực hiện:

a. Nguồn vốn lập quy hoạch: Ngân sách huyện.

b. Cơ quan phê duyệt quy hoạch: Ủy ban nhân dân huyện Chư Păh

c. Cơ quan thẩm định quy hoạch: Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện, Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Chư Păh.

d. Chủ đầu tư: Ủy ban nhân dân xã Ia Kreng

e. Đơn vị lập quy hoạch: Chỉ định thầu theo quy định

3. Tiến độ thực hiện:

a. Thời gian lập hồ sơ: Bắt đầu từ ngày ký hợp đồng

b. Thời gian thực hiện: Năm 2022.

CHƯƠNG 7

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Điều chỉnh quy hoạch chung xã Ia Krenng, huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai nhằm điều chỉnh quy hoạch cho phù hợp với mô hình nông thôn mới kiểu mẫu, đề xuất một số giải pháp về phát triển kinh tế-xã hội, hệ thống hạ tầng kỹ thuật và định hướng xây dựng các công trình công cộng và nhà ở trên cơ sở tiềm năng, thế mạnh và đặc thù của xã.

Việc thực hiện đầu tư dự án trên hoàn toàn mang tính khả thi, Ủy ban nhân dân xã Ia Krenng kính trình Phòng Kinh tế-Hạ tầng huyện Chư Păh thẩm định nhiệm vụ, kính trình Ủy ban nhân dân huyện Chư Păh xem xét phê duyệt nhiệm vụ để có cơ sở thực hiện các bước tiếp theo./.

Chư Păh, ngày tháng năm 2022

**CÔNG TY TNHH MTV TƯ VẤN &
CHUYÊN GIAO CÔNG NGHỆ H.A.I**



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Ninh Hải